

THỰC TRẠNG VỀ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ CÁ TRA TỈNH TIỀN GIANG

● PHAN PHÙNG PHÚ

TÓM TẮT:

Nghiên cứu nhằm đánh giá thực trạng về tình hình sản xuất và tiêu thụ cá tra tỉnh Tiền Giang giai đoạn năm 2019-2021. Kết quả đánh giá cho thấy diện tích nuôi cá tra giảm từ 584,28 ha năm 2019 xuống còn 578,25 ha năm 2021, diện tích treo ao tăng, sản lượng cá tra giai đoạn năm 2019-2021 của tỉnh giảm bình quân 0,84%. Người nuôi cá tra Tiền Giang bị thua lỗ do giá nguyên liệu đầu vào tăng cao (con giống, thức ăn, thuốc thủy sản,...). Trong khi đó, giá bán cá tra giảm (đôi khi bán dưới 20.000 đồng/kg), các doanh nghiệp chế biến cá tra thiếu hụt nguồn nguyên liệu do một số hộ nuôi đã ngừng nuôi cá. Kim ngạch xuất khẩu cá tra giai đoạn 2019-2021 giảm nhanh qua từng năm, cụ thể năm 2019 là 293,7 triệu USD/năm đến năm 2021 là 212,9 triệu USD/năm. Dựa trên thực trạng nghiên cứu, tác giả đề xuất một số giải pháp và kiến nghị nhằm nâng cao sản xuất và tiêu thụ cá tra trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

Từ khóa: sản xuất cá tra, tiêu thụ cá tra, tỉnh Tiền Giang.

1. Đặt vấn đề

Tiền Giang là một tỉnh thuộc vùng đồng bằng sông Cửu Long, có nhiều lợi thế trong sản xuất thủy sản nói chung và cá tra nói riêng. Trong số những sản phẩm thủy sản chủ lực tạo nên thành quả xuất khẩu của Tiền Giang, cá tra là mặt hàng đã mang lại thu nhập cao cho nhiều hộ nông dân hơn 20 năm qua. Tuy nhiên, giai đoạn 2019-2021, tình hình nuôi cá tra Tiền Giang liên tục gặp nhiều khó khăn, nhất là giá cá tra nguyên liệu tăng, giảm thất thường kéo dài từ năm 2019 làm ảnh hưởng đến tâm lý đầu tư sản xuất. Đại dịch Covid-19 đã gây thiệt hại nghiêm trọng đến kinh tế, xã hội và khiến chuỗi sản xuất, tiêu thụ cá tra bị ảnh hưởng nặng nề, có

những thời điểm giá bán thấp hơn giá thành sản xuất cá tra nguyên liệu (giá bán thấp hơn 20.000 đồng/kg). Giá cá tra nguyên liệu đã sụt giảm, người nuôi bị lỗ, vì vậy có rất nhiều hộ đã “treo ao” bởi không còn khả năng cầm cự. Thị trường xuất khẩu cá tra Tiền Giang gần đây giảm mạnh do ảnh hưởng của dịch Covid-19, khủng hoảng thương mại, chiến tranh, từ đó làm cho lượng hàng bị ứ ứ, đối tác hạn chế đặt hàng nên giá trị xuất khẩu giảm so với cùng kỳ. Do nguồn cung cho xuất khẩu bị hạn chế kéo theo việc thu mua cá tra nguyên liệu ở các hộ nuôi sẽ chậm lại làm cho thị trường tiêu thụ mặt hàng này gặp khó khăn. Trong khi lượng tiêu thụ cá tra nội địa thì không đáng kể, chủ yếu là phục vụ

cho thị trường xuất khẩu. Với lý do trên, tác giả chọn đề tài “Thực trạng về tình hình sản xuất và tiêu thụ cá tra tỉnh Tiền Giang” là cần thiết góp phần đẩy mạnh, nâng cao tình hình sản xuất và tiêu thụ cá tra tỉnh Tiền Giang trong những năm tới.

2. Thực trạng sản xuất cá tra ở Tiền Giang

Bảng 1 cho thấy, diện tích nuôi (sản xuất) cá tra trên địa bàn tỉnh Tiền Giang (thâm canh và bán thâm canh) năm 2019 là 584,28 ha, huyện có diện tích nuôi cao nhất (Cái Bè) là 189,69 ha và huyện có diện tích nuôi nhỏ nhất (Tân Phú Đông) là 2,68ha; năm 2020 là 566,89 ha và năm 2021 là 578,25 ha. Năm 2020, diện tích nuôi cá tra giảm 17,39 ha so với năm 2019 (giảm 2,98%) và năm 2021 tăng 11,38 ha so với năm 2020 (tăng 2,01%). Nhìn chung, diện tích nuôi cá tra trên địa bàn tỉnh Tiền Giang có xu hướng giảm, nguyên nhân do trong các năm 2020, 2021 ảnh hưởng dịch bệnh Covid-19 làm cho giá cả cá tra giảm và thị trường tiêu thụ không ổn định.

Bảng 1. Diện tích mặt nước nuôi cá tra ở các huyện/thành/thị

ĐVT: ha

Huyện/năm	2019	2020	2021
TP Mỹ Tho	52,67	48,76	47,07
TX Cai Lậy	60,51	52,82	54,16
TX Gò Công	9,31	8,97	9,52
Gò Công Đông	3,85	1,87	2,29
Tân Phú Đông	2,68	2,12	1,54
Chợ Gạo	40,51	40,61	32,95
Gò Công Tây	14,56	14,56	15,57
Tân Phước	19,85	17,79	19,10
Cai Lậy	90,23	92,40	89,12
Châu Thành	100,43	107,51	117,48
Cái Bè	189,69	179,49	189,47
Tổng cộng	584,28	566,89	578,25

Nguồn: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Tiền Giang (2022)

Bảng 2 cho thấy, năm 2021 tổng diện tích mặt nước nuôi cá tra là 578,25 ha, diện tích mặt nước đang thả nuôi là 449,13 ha. Huyện Cái Bè là địa phương có diện tích mặt nước nuôi cá tra cao nhất tỉnh Tiền Giang với diện tích là 189,47 ha, chiếm tỷ lệ 32,76% diện tích nuôi. Kế đến là huyện Châu Thành với diện tích là 117,48 ha chiếm tỷ lệ 20,32% diện tích nuôi. Huyện có diện tích nuôi thấp nhất là huyện Tân Phú Đông có 1,54 ha chiếm tỷ lệ 0,27%. Nhìn chung, hoạt động sản xuất cá tra được tổ chức tại hầu hết các huyện trên địa bàn tỉnh Tiền Giang, trong đó các huyện Cái Bè, Châu Thành, Cai Lậy, TX Cai Lậy là những vùng sản xuất cá tra chính; cá tra được nuôi trong ao vườn, ruộng, bãi bồi và có thể thu hoạch quanh năm. Năm 2021, diện tích đang nuôi toàn tỉnh là 449,13 ha và diện tích chuyển đổi nuôi cá tra là 29,64 ha. Tuy nhiên, so với các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, diện tích nuôi cá tra Tiền Giang vẫn còn hạn chế.

Diện tích ao treo năm 2021 là 66,54 ha tăng cao so với những năm trước đây, nguyên nhân do dịch bệnh Covid-19 kéo dài thời gian giãn cách xã hội trên địa bàn tỉnh từ tháng 6 đến tháng 10/2021. Từ đó, các hoạt động sản xuất, vận chuyển con giống, thức ăn, cá nguyên liệu bị ảnh hưởng; nhiều cơ sở nuôi thiếu người thu hoạch; một số nhà máy sản xuất thức ăn, nhà máy chế biến cá tra phải tạm ngừng hoạt động hoặc giảm công suất; chi phí sản xuất tăng cao, tiềm ẩn nguy cơ thiếu nguyên liệu phục vụ chế biến xuất khẩu; hoạt động vận chuyển quốc tế bị gián đoạn, tiêu thụ sản phẩm gặp khó khăn.

Bảng 3 cho thấy, tổng số hộ nuôi toàn tỉnh đạt 417 hộ, trong đó huyện Cái Bè có số hộ nuôi cao nhất tỉnh là 136 hộ chiếm tỷ lệ 32,61%. Kế tiếp là các huyện Châu Thành 86 hộ chiếm tỷ lệ 20,62%; huyện Cai Lậy có 78 hộ chiếm tỷ lệ 18,71%, và huyện có số hộ nuôi thấp nhất là Tân Phú Đông chỉ có 3 hộ nuôi. Số hộ nuôi cá thể là 351 hộ chiếm tỷ lệ 74,17% số hộ nuôi của toàn tỉnh, trong đó huyện Cái Bè là huyện có số hộ nuôi cá thể nhiều nhất 119 hộ. Số hộ nuôi của doanh nghiệp (kể cả gia công) là 66 doanh nghiệp chiếm 15,83%. Số hộ chưa thả nuôi toàn tỉnh năm 2021 là 67 hộ.

Bảng 2. Diện tích nuôi cá tra phân theo huyện/thành/thị năm 2021

	Diện tích mặt nước (ha)	Diện tích đang nuôi (ha)	Diện tích treo ao (ha)	Diện tích chuyển đổi (ha)
TP Mỹ Tho	47,07	33,41	6,05	4,14
TX Cai Lậy	54,16	40,36	7,17	4,26
TX Gò Công	9,52	5,42	2,05	1,08
Gò Công Đông	2,29	1,05	0,45	0,21
Tân Phú Đông	1,54	0,67	0,32	0,25
Chợ Gạo	32,95	24,31	4,13	2,07
Gò Công Tây	15,57	9,82	3,63	1,55
Tân Phước	19,10	12,84	2,78	1,28
Cai Lậy	89,12	71,46	10,72	3,26
Châu Thành	117,48	95,15	13,15	4,22
Cái Bè	189,47	154,64	16,09	7,32
Tổng cộng	578,25	449,13	66,54	29,64

Nguồn: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Tiền Giang (2022)

Bảng 3. Số hộ nuôi cá tra Tiền Giang năm 2021

STT	Huyện/Thị/Thành	Số hộ nuôi		Số hộ chưa thả nuôi	Số hộ nuôi	
		Toàn bộ	ao > 1 Ha		Cá thể	Doanh nghiệp
	Toàn tỉnh	417	61	67	351	66
1	TP Mỹ Tho	23	3	5	14	9
2	TX Cai Lậy	32	5	6	25	7
3	TX Gò Công	6	2	3	5	1
4	Gò Công Đông	4	4	2	4	0
5	Tân Phú Đông	3	0	1	3	0
6	Chợ Gạo	19	2	5	15	4
7	Gò Công Tây	11	1	6	8	3
8	Tân Phước	19	6	4	14	5
9	Cai Lậy	78	11	8	69	9
10	Châu Thành	86	12	11	75	11
11	Cái Bè	136	15	16	119	17

Nguồn: Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Tiền Giang (2022)

Bảng 4 cho thấy, diện tích mặt nước nuôi cá tra trên địa bàn tỉnh Tiền Giang trong giai đoạn năm 2019-2021 giảm 2,79%, diện tích thả nuôi giảm 6,75%. Bên cạnh đó, năng suất bình quân trên 01 ha cá tra trên địa bàn tỉnh giai đoạn này cũng tăng không nhiều, tốc độ tăng trưởng trung bình là 1,28%. Tổng sản lượng giảm từ năm 2019 đến năm 2021 giảm 0,84% do diện tích thả nuôi giảm, cụ thể tổng sản lượng cá tra thu hoạch năm 2019 là 104.194,43 tấn và đến năm 2021 giảm còn là 92.862.12 tấn, năng suất trung bình (nuôi thâm canh và bán thâm canh) giai đoạn 2019 - 2021 là 214,17 tấn/ha.

Nguyên nhân giảm là do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, tác động mạnh đến diện tích nuôi, thu hoạch, sản lượng, kim ngạch xuất khẩu cá tra giảm mạnh. Bên cạnh

Bảng 4. Sản lượng cá tra giai đoạn năm 2019 - 2021

Huyện/năm	2019	2020	2021	Tốc độ tăng bình quân (%)
Diện tích mặt nước (ha)	584,28	566,89	578,25	-0,48
Diện tích thả nuôi (ha)	516,94	495,73	449,13	-6,75
Năng suất bình quân (tấn/ha)	201,56	204,18	206,76	1,28
Sản lượng (tấn)	104.194,43	101.218,15	92.862,12	-0,84

Nguồn: Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Tiền Giang (2022)

đó, lượng hàng tồn kho của các doanh nghiệp có lúc tăng cao, đơn vị phải thuê kho lạnh để trữ hàng, hàng hóa xuất khẩu bị kiểm soát dịch bệnh nghiêm ngặt, rủi ro, thông quan chậm, chi phí lưu bãi cao hơn. Ngoài ra, chất lượng giống cá tra ngày càng suy giảm, khiến tỷ lệ hao hụt trong giai đoạn nuôi thương phẩm tăng cao dẫn đến hiệu quả sản xuất thấp.

3. Thực trạng chế biến và tiêu thụ cá tra tỉnh Tiền Giang

3.1. Về sản phẩm chế biến cá tra tỉnh Tiền Giang

- *Hiện nay, sản phẩm cá tra, basa xuất khẩu của Tiền Giang bao gồm 2 nhóm chính:*

+ *Dòng sản phẩm sơ chế:* Mặt hàng cá tra sơ chế có nhiều mẫu mã, kích cỡ và chế biến khác nhau như cá tra philê dạng miếng, cá tra xiên que, cá tra cuộn tròn, cá tra cắt thối, cá tra cắt khúc, basa nguyên con cắt khoanh. Từ năm 2019 - 2021, đối tượng sản xuất chính của các sản phẩm này là cá tra, basa chiếm khoảng 83,4% giá trị xuất khẩu thủy sản của tỉnh Tiền Giang (Sở Công Thương Tiền Giang, 2022).

+ *Sản phẩm giá trị gia tăng:* Hải sản viên, hoành thánh, cá viên, chả cá chiên, chả cá thì là, chạo cá, basa cắt sợi tẩm bột, basa fish burger, basa cuộn lá chanh.

- *Về số lượng doanh nghiệp chế biến cá tra:*

Hiện nay, toàn tỉnh Tiền Giang có 28 doanh nghiệp tham gia chế biến thủy sản xuất khẩu, trong có 17 nhà máy chế biến đông lạnh cá tra xuất khẩu có tổng công suất tiêu thụ nguyên liệu thô (chưa qua chế biến) 173.764 tấn/năm. Với tổng công suất này, các nhà máy có đủ công suất để đáp ứng chế biến nguyên liệu thủy sản của tỉnh (năm 2021 sản

lượng nuôi của tỉnh là 92.862,12 tấn). Hầu hết các nhà máy ở Tiền Giang đều trang bị các máy móc hiện đại vào sản xuất như máy cấp đông, băng chuyền IQF,... Ngành chế biến thủy sản đông lạnh của tỉnh có trình độ công nghệ tương đối hiện đại, máy móc thiết bị được lắp đặt đồng bộ của các hãng chuyên ngành nổi tiếng như: Mycom, Nissin (Nhật), Bizzzer (Đức) và Gram (Đan Mạch). Chất lượng sản phẩm có thể cạnh tranh và xuất khẩu vào các thị trường khó tính trên thế giới.

- *Về nguồn cung nguyên liệu:*

Năm 2021, tổng diện tích nuôi cá tra là 578,25 ha với tổng sản lượng là 92,8 nghìn tấn, giá cá tra đã tăng dao động từ 18.890 đ/kg lên đến 31.107 đồng/kg (bình quân 24.759 đồng/kg). Một số người nuôi cá bị lỗ đã ngừng sản xuất làm cho các công ty chế biến thiếu hụt nguồn nguyên liệu. Một công ty trong số 17 công ty xuất khẩu cá tra ở tỉnh Tiền Giang cho biết, hiện nay doanh nghiệp chỉ hoạt động 55% - 78% công suất do nguyên liệu nuôi cá tra của hộ dân giảm. Các công ty chế biến thủy sản tại Tiền Giang như: Công ty Thủy sản Hùng Vương, Công ty Châu Á, Công ty Thủy sản Châu Âu, Công ty Thủy sản Gò Đăng, Công ty Thủy sản Đại Thành Thành, Công ty TNHH Thủy sản An Phát, Công ty TNHH Thủy sản Vạn Đức,... đã xây dựng vùng nguyên liệu cho doanh nghiệp của mình trên địa bàn tỉnh nói chung và dọc hai bờ sông Tiền nói riêng, nâng tổng diện tích vùng nuôi cá nguyên liệu của các Công ty đạt khoảng 62,4 ha, nhằm tự chủ nguồn nguyên liệu cho doanh nghiệp mình.

Hiện nay, việc phát triển nuôi cá tra trong dân vẫn còn mang tính tự phát, không theo quy hoạch đồng bộ của chính quyền địa phương, quy mô không lớn, ít áp dụng khoa học kỹ thuật trong

nuôi, đã làm cho cán cân cung - cầu đôi lúc mất cân đối, dẫn đến việc người nuôi và doanh nghiệp chế biến cá tra trong tỉnh rơi vào tình trạng khủng hoảng do sức cạnh tranh yếu, thị trường tiêu thụ hạn chế.

3.2. Về thị trường tiêu thụ cá tra tỉnh Tiền Giang

Cá tra xuất khẩu của tỉnh Tiền Giang trong giai đoạn 2019-2021 chủ yếu vẫn là các sản phẩm phi lê, cắt khúc, nguyên con đông lạnh (chiếm trên 98,72%). Thị trường tiêu thụ chính sản phẩm xuất khẩu thủy sản EU, Trung Quốc, Mỹ, Trung Đông,...

Kim ngạch xuất khẩu cá tra giai đoạn (2019-2021) giảm nhanh qua từng năm, cụ thể năm 2019 là 293,7 triệu USD/năm, năm 2020 là 196,9 triệu USD/năm (giảm 32,99% so với năm 2019), năm 2021 là 212,9 triệu USD/năm (tăng 8,15% so với năm 2020 và giảm 27,53% so với năm 2019); cơ cấu thị trường xuất khẩu có sự thay đổi giảm dần của thị trường truyền thống EU, châu Á và tăng dần của thị trường Mỹ.

Bảng 5 cho thấy, tỷ lệ % thị trường xuất khẩu cá tra Tiền Giang qua các năm, chủ yếu tập trung ở 3 thị trường chính là EU, Trung Quốc - Hồng Kông (HK) và Mỹ, bên cạnh đó là các thị trường khác, thị trường mới, có độ ổn định chưa cao. Cơ cấu thị trường xuất khẩu cá tra chủ yếu là thị trường EU và Mỹ, chiếm tỷ lệ bình quân 3 năm là 42,1% thị trường xuất khẩu của tỉnh. Tuy nhiên, đây là một thị trường tương đối khó khăn do có nhiều chính sách,

đạo luật khắt khe đối với sản phẩm cá tra của tỉnh nói riêng và của Việt Nam nói chung.

Sau thời gian dài bị ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 khiến ngành hàng cá tra Tiền Giang bị ảnh hưởng, bước sang quý IV năm 2021, tín hiệu xuất khẩu đã có nhiều tiến triển, nhiều đơn hàng đã xuất đi các quốc gia, vùng lãnh thổ. Đến thời điểm này, giá cá tra đang được người dân bán cho các doanh nghiệp tăng 7.200 đồng/kg - 10.500 đồng/kg đã cho thấy tín hiệu đang tốt dần và được dự báo sẽ còn tăng trong năm nay khi nhu cầu của một số thị trường nhập khẩu đang có xu hướng tăng về giá trị và số lượng.

4. Giải pháp nâng cao sản xuất và tiêu thụ cá tra tỉnh Tiền Giang

Trên cơ sở phân tích thực trạng trên, tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao sản xuất và tiêu thụ cá tra tỉnh Tiền Giang, như sau:

Một là, Tiền Giang cần có cơ chế, chính sách phù hợp để phát triển các vùng nuôi của tỉnh liên kết với cơ sở chế biến, tiêu thụ để chia sẻ thông tin, điều tiết sản xuất theo yêu cầu từ thị trường. Người dân nuôi cá tiếp tục duy trì hoạt động sản xuất con giống, thức ăn, nuôi cá,... để đảm bảo ổn định chuỗi sản xuất cá tra, kiểm soát tốt chất lượng, an toàn thực phẩm.

Hai là, Tiền Giang cần linh hoạt, mở rộng quy hoạch vùng nuôi cá tra ở các huyện/thành/thị trong điều kiện biến đổi khí hậu, dịch bệnh, sản xuất

Bảng 5. Kim ngạch xuất khẩu ngành hàng cá tra

ĐVT: 1.000 USD

Thị trường	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Tốc độ tăng bình quân (%)
EU	42.377	23.994	23.731	-22,2
Trung Đông	25.584	13.981	13.745	-23,5
Châu Á	37.443	20.365	24.307	-13,1
Trung Quốc -HK	100.735	59.768	50.257	-28,3
Mỹ	24.562	28.067	59.585	63,3
Khác	63.097	50.699	41.289	-19,1
Tổng cộng	293.798	196.874	212.915	-12,4

Nguồn: Cục Hải quan Long An (2022)

nông nghiệp chưa bền vững. Phát huy lợi thế và tiềm năng của tỉnh, phù hợp với điều kiện tự nhiên và khả năng tiêu thụ thị trường cá tra trong và ngoài nước; gắn kết với thị trường tiêu thụ và sản xuất cá tra. Quy hoạch sản xuất và tiêu thụ cá tra gắn với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Tiền Giang và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bằng sông Cửu Long theo hướng nâng cao giá trị gia tăng. Xây dựng mô hình liên kết vùng, phát triển bền vững ngành cá tra với các tỉnh ở đồng bằng sông Cửu Long. Trong đó, việc xây dựng cổng thông tin thị trường, cải thiện hoạt động, vai trò của các hiệp hội nghề cá, nâng cao năng lực thị trường trong liên kết chuỗi cung ứng ngành hàng,... là những yêu cầu tiên quyết.

Ba là, để ngành hàng cá tra phát triển bền vững, Tiền Giang cần thực hiện tốt, triệt để mối liên kết trong sản xuất (nuôi) và tiêu thụ cá tra. Trong đó, ngành chức năng cần công khai, minh bạch đầu vào cá tra để xác định giá sàn thu mua cá nguyên liệu, giá sản xuất khẩu bảo đảm người nuôi và doanh nghiệp có lãi. Các doanh nghiệp chế biến thủy sản Tiền Giang quan tâm xây dựng các vùng nuôi liên kết một cách chặt chẽ trong phạm vi quy hoạch vùng nuôi cá tra thuộc vùng đồng bằng sông Cửu Long, vùng liên kết phát triển kinh tế. góp phần thuận lợi trong xây dựng thương hiệu cá tra. Bên cạnh đó, gắn kết với cơ sở nuôi thông qua hợp đồng bao tiêu sản phẩm có đầu tư, hỗ trợ kinh phí, cùng có trách nhiệm trong giám sát, theo dõi quá trình sản xuất; theo dõi sát diễn biến thị trường để ứng phó nhanh, đáp ứng các yêu cầu của các quốc gia nhập khẩu để sẵn sàng xuất khẩu ngay khi có thời cơ, bảo đảm nguồn hàng xuất khẩu bền vững. Ngoài ra, Tiền Giang cần đẩy mạnh việc liên kết dọc trong nghề nuôi cá tra. Thực hiện chuỗi liên kết dọc, doanh nghiệp ký kết với các đối tác tham gia quy trình từ sản xuất, nuôi trồng, chế biến, tiêu thụ cá tra. Trong chuỗi liên kết dọc tạo ra giá trị con cá tra, các bên liên quan đều có quyền lợi và nghĩa vụ gắn chặt với nhau nên ít xảy ra mâu thuẫn, tranh chấp hay phá vỡ hợp đồng. Vì vậy, vào thời điểm hiện nay, dù nguồn cá tra nguyên liệu phục vụ cho chế biến xuất khẩu thiếu nhưng nhờ chủ động liên

kết, các doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản tại Tiền Giang vẫn đủ cá tra nguyên liệu đáp ứng các đơn hàng xuất khẩu mà công ty đã ký kết.

Bốn là, các doanh nghiệp xuất khẩu cá tra Tiền Giang cần tập trung phát triển các thị trường sẵn có, đặc biệt là các thị trường Mỹ, EU, Trung Quốc, ASEAN, Mỹ La tinh chiếm tỷ trọng cao. Bên cạnh đó, doanh nghiệp cần tiếp tục cải tiến công nghệ, máy móc, thiết bị làm gia tăng tự động hóa (công nghệ 4.0) trong bảo quản, sơ chế, chế biến thủy sản; ứng dụng các công nghệ Enzym, protein, vi sinh trong sản xuất thức ăn chăn nuôi nhằm nâng cao giá trị và hiệu quả sản xuất. Đồng thời, tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát các vấn đề về an toàn thực phẩm, đặc biệt là các chỉ tiêu hóa chất kháng sinh theo quy định của nước nhập khẩu và theo quy định của Việt Nam.

Năm là, các doanh nghiệp chế biến cá tra xuất khẩu Tiền Giang cần chuẩn bị tốt nội lực để tận dụng cơ hội xuất khẩu sang thị trường EU theo hiệp định EVFTA. Xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc điện tử đối với chuỗi xuất khẩu, nhà máy chế biến, cơ sở nuôi, ao nuôi đã được cấp mã số nhằm minh bạch thông tin. Hệ thống truy xuất điện tử này của doanh nghiệp chế biến có thể kết nối với hệ thống quản lý ao nuôi của cơ quan quản lý thủy sản. Khuyến khích người nuôi, doanh nghiệp chế biến tham gia chuỗi liên kết để sản xuất theo tín hiệu thị trường, tránh tình trạng dư nguồn cung cá nguyên liệu hoặc thiếu nguyên liệu phục vụ xuất khẩu.

Sáu là, các ngành chức năng của tỉnh Tiền Giang cần hỗ trợ doanh nghiệp phát triển thị trường gắn với xây dựng thương hiệu cho sản phẩm cá tra chất lượng cao; thực hiện đề án sản phẩm quốc gia làm lực đẩy cho Nghị định liên quan về cá tra phát huy tác dụng. Tính toán xây dựng dòng sản phẩm cá tra fillet chất lượng cao; đa dạng hóa sản phẩm, phát triển thêm nhiều dòng sản phẩm giá trị gia tăng đáp ứng tốt nhất cho thị trường lớn EU và Mỹ.

Bảy là, Tiền Giang cần thực hiện quan trắc môi trường nước ở các điểm có nguy cơ ô nhiễm môi trường; xây dựng quy chế vùng nuôi tập trung theo hướng áp dụng quy trình nuôi tiên tiến, thực hành

nuôi tốt (VietGAP,...) để giảm các loại thuốc và hóa chất dùng trong quá trình sản xuất; tăng cường công tác kiểm dịch con giống trước khi nuôi; kiểm tra, giám sát các loại thức ăn, thuốc, hóa chất ở cơ sở kinh doanh thức ăn và vật tư thủy sản, bảo đảm truy xuất nguồn gốc vùng nuôi ở các huyện/thành/thị của tỉnh Tiền Giang.

5. Kiến nghị

Để ngành hàng cá tra phát triển bền vững, ngoài tăng cường liên kết bốn nhà, Chính phủ cần có chính sách hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp mua cá tra tạm trữ như đối với lúa gạo, để giá cá ổn định, bảo đảm người nuôi có lãi. Hiện nay, một số chính sách hỗ trợ việc sản xuất tiêu thụ cá tra chưa phát huy hiệu quả do việc hỗ trợ chưa trực tiếp, doanh nghiệp, người nuôi cá phải vay vốn với lãi suất cao và ai cũng vì lợi ích của mình nên xảy ra xung đột và tình trạng giá cá tra không ổn định kéo dài.

Nhà nước cần kiểm soát chất lượng thức ăn cá tra để người nuôi an tâm liên kết nuôi gia công với doanh nghiệp. Vì khi liên kết, người nuôi không được chủ động chọn nhà cung cấp thức ăn mà phải nhận nguồn thức ăn từ doanh nghiệp. Thực tế đã xảy ra tình trạng người nuôi nhận thức ăn không bảo đảm chất lượng, làm giá thành cao.

Trong điều kiện tình hình sản xuất, kinh doanh và xuất khẩu cá tra gặp nhiều khó khăn như hiện nay, Nhà nước cần tiếp tục tập trung mọi nguồn lực để hỗ trợ kịp thời cho doanh nghiệp (về thuế, ngân hàng, bảo hiểm, tài chính, thủ tục hành chính,...) nhằm giúp doanh nghiệp khắc phục khó khăn, khôi phục sản xuất kinh doanh và xuất khẩu. Bên cạnh đó, tiếp tục đồng hành cùng doanh nghiệp trong việc phát triển thị trường tiêu thụ trong nước và quốc tế; củng cố hình ảnh cá tra, kênh bán hàng mới, phát triển dòng sản phẩm giá trị gia tăng ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Nguyễn Văn Bộ và Đào Thế Anh (2012). Nâng cao giá trị gia tăng trong chuỗi giá trị nông sản ở Việt Nam. *Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn*, số tháng 11.
2. Lê Văn Gia Nhỏ, Nguyễn Phú Sơn, Nguyễn Văn An (2012). Thực trạng chuỗi giá trị ngành hàng cá tra ở đồng bằng sông Cửu Long. *Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*, Kỳ 1, số tháng 11.
3. Chính phủ Việt Nam (2014). *Nghị định số 36/2014/NĐ-CP ngày 29/4/2014 của Chính phủ về nuôi, chế biến và xuất khẩu cá tra*.
4. Chính phủ Việt Nam (2015). *Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn*.
5. Thủ tướng Chính phủ (2013). *Quyết định số 1445/QĐ-TTg, ngày 16/08/2013, Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển thủy sản đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030*, Hà Nội.
6. Thủ tướng Chính phủ (2018). *Quyết định số 50/2018/QĐ-TTg ngày 13/12/2018, quy định đối tượng thủy sản nuôi chủ lực*, Hà Nội.
7. Hiệp hội Thủy sản - VASEP, Báo cáo tình hình xuất khẩu Thủy sản Việt Nam năm từ 2019 - 2021.
8. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Tiền Giang (2019, 2020, 2021). *Báo cáo tổng kết năm 2019, năm 2020 và năm 2021*.
9. Cục Hải quan Long An (2019, 2020, 2021). *Báo cáo tình hình xuất khẩu năm 2019, năm 2020 và năm 2021*.

Ngày nhận bài: 2/4/2022

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 2/4/2022

Ngày chấp nhận đăng bài: 12/4/2022

Thông tin tác giả:

Nghiên cứu sinh PHAN PHÙNG PHÚ

Trường Đại học Kinh tế - Đại học Huế

THE CURRENT SITUATION OF PANGASIOUS CATFISH PRODUCTION AND CONSUMPTION IN TIEN GIANG PROVINCE

● Ph.D student **PHAN PHUNG PHU**

Hue College of Economics, Hue University

ABSTRACT:

This study assesses the current situation of pangasius catfish production and consumption in Tien Giang province from 2019 to 2021. The study's results show that the pangasius catfish farming area decreased from 584.28 ha in 2019 to 578.25 ha in 2021, the abandoned farming area increased, and the output of pangasius catfish decreased by 0.84% on average in the period from 2019 to 2021 in Tien Giang province. Pangasius catfish farmers in Tien Giang province suffered losses as the prices of input materials (seedlings, feed, aquatic drugs, etc.) increased while the price of pangasius catfish decreased, even below 20,000 VND/kg. Some pangasius catfish processing enterprises faced shortages of raw materials because some households stopped farming pangasius catfish. The export turnover of pangasius catfish decreased rapidly year by year, from 293.7 million USD in 2019 to 212.9 million USD in 2021. Based on the study's results, some solutions and recommendations are proposed to improve the production and consumption of pangasius catfish in Tien Giang province.

Keywords: pangasius catfish production, pangasius catfish consumption, Tien Giang province.